

Số: **41865**/QĐ-UBND

An Lão, ngày **22** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
(Học kỳ I năm học 2021-2022) huyện An Lão**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 25/11/2019;

Căn Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Danh sách đề nghị cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ (Kỳ I năm học 2021 - 2022) do phòng Giáo dục và Đào tạo huyện lập và Báo cáo số 372/BC-TCKH ngày 20/12/2021 của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ I năm học 2021 - 2022) huyện An Lão với tổng số tiền là: **61.900.000 đồng**

(Sáu mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

Khối Mầm non: 8.500.000 đồng; Khối Tiểu học: 27.600.000 đồng; Khối THCS: 25.800.000 đồng.

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2021.

Có phụ lục chi tiết kèm theo quyết định.



Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao phòng Tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí về phòng Giáo dục & Đào tạo huyện và hướng dẫn đơn vị thực hiện.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chịu trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí; chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường: THCS, Tiểu học, Mầm non; Giám đốc Kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT. 



TỔNG HỢP HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỊ

Kỳ I - Năm học 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số: 4855QĐ- UBND ngày 22/12 / 2021 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Học kì I (4 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12/2021)					Mức hỗ trợ/ tháng	Tổng số tiền hỗ trợ	Ghi chú
		Thuộc đối tượng			Tổng số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ			
		Tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước					
	TỔNG CỘNG	37	7	56	89	-	-	61.900.000	
I	Cộng Mầm non	2	-	9				8.500.000	
1	MN Bát Trang			1	1	4	150.000	600.000	
2	MN Thái Sơn 1	1		3	4	4	150.000	2.400.000	
3	MN Chiến Thắng			1	1	4	150.000	600.000	
4	MN Quốc Tuấn	1		1	2	4	150.000	1.200.000	
5	MN Tân Viên			2	2	4	150.000	1.200.000	Truy lĩnh học kỳ 2 năm học 2020-2021.
				1	1	5	100.000	500.000	
6	MN Quang Trung				0	4	150.000	2.000.000	
II	Cộng Tiểu học	16	3	27	46			27.600.000	
7	TH Trường Thọ	1	1	4	6	4	150.000	3.600.000	
8	TH An Tiến		1		1	4	150.000	600.000	
9	TH Tân Dân	3			3	4	150.000	1.800.000	
10	TH Áng Sơn	1		3	4	4	150.000	2.400.000	
11	TH Trần Tất Văn	2		12	14	4	150.000	8.400.000	
12	TH Nguyễn Đốc Tín	2		1	3	4	150.000	1.800.000	
13	TH An Thọ			2	2	4	150.000	1.200.000	
14	TH Chiến Thắng			1	1	4	150.000	600.000	
15	TH Mỹ Đức 2	2			2	4	150.000	1.200.000	
16	TH Tân Viên	3		1	4	4	150.000	2.400.000	
17	TH Quốc Tuấn			2	2	4	150.000	1.200.000	
18	TH Quang Trung	1		1	2	4	150.000	1.200.000	
19	TH Quang Hưng	1	1		2	4	150.000	1.200.000	
III	Cộng THCS	19	4	20	43			25.800.000	
20	THCS Bát Trang	1		1	2	4	150.000	1.200.000	
21	THCS Trường Thọ			1	1	4	150.000	600.000	
22	THCS L.K. Thiện	2			2	4	150.000	1.200.000	
23	THCS An Thắng	4		1	5	4	150.000	3.000.000	
24	THCS Tân Dân	2			2	4	150.000	1.200.000	
25	THCS Trường Sơn	2		3	5	4	150.000	3.000.000	

TT	Đơn vị	Học kì I (4 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12/2021)					Mức hỗ trợ/ tháng	Tổng số tiền hỗ trợ	Ghi chú
		Thuộc đối tượng			Tổng số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ			
		Tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước					
26	THCS Thái Sơn	1	1	3	5	4	150.000	3.000.000	
27	THCS Ng.C. Mỹ	1		2	3	4	150.000	1.800.000	
28	THCS Lê Khắc Cần	3	1	1	5	4	150.000	3.000.000	
29	THCS Chiến Thắng	1		2	3	4	150.000	1.800.000	
30	THCS Mỹ Đức	1	1	1	3	4	150.000	1.800.000	
31	THCS Quốc Tuấn		1	4	5	4	150.000	3.000.000	
32	THCS Quang Hưng	1			1	4	150.000	600.000	
33	THCS Quang Trung			1	1	4	150.000	600.000	

[Handwritten signature]

